

Bản án số: 454/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/07/2023
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thiệu

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 660/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H – sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Số 60 H, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: N001 LK3 khu dịch vụ LK27-28 D, Đường L, phường D, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T – sinh năm 1957;

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 37B phố B, phường C, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 11 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/1987 tại UBND phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đây là kết hôn lần đầu của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chuyển về ở tại Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, sau đó chuyển về Vân Hồ, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Do thời gian lâu ngày nên chị không nhớ rõ số nhà cụ thể). Sau đó đến năm 2004, anh chị mua nhà và chuyển về ở tại số 37B phố B, phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, anh chị sống H phúc đến khoảng đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau về cả vật chất lẫn tinh thần dẫn đến vợ chồng hàng ngày xảy ra xung đột cãi nhau liên tục, ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống vợ chồng, gia đình. Mâu thuẫn anh chị xảy ra trong nội bộ gia đình nên về sau chỉ có họ hàng hai bên gia đình biết, còn tổ dân phố thì không nắm bắt được vì anh chị muốn giữ kín trong nội bộ gia đình và chị cũng sợ ảnh hưởng đến bố mẹ, anh chị em phải suy nghĩ đến mâu thuẫn của anh chị nên anh chị không báo cho tổ dân phố biết. Đến khi mâu thuẫn anh chị trầm trọng từ đầu năm 2022 thì chị đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai vào tháng 03 năm 2022 nhưng sau đó đến ngày 19 tháng 09 năm 2022 chị đã rút đơn về để vợ chồng suy nghĩ thêm và cũng vì lý do anh T không ở quận Hoàng Mai mà lúc đó đang ở số 37B phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 70/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 09 năm 2022.

Sau khi rút đơn về, mâu thuẫn anh chị cũng không cải thiện được, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chị đã ra ngoài ở thuê nhiều nơi và hiện nay đang ở N001 LK3 khu dịch vụ LK27-28 D, Đường D, phường D, Thành phố Hà Nội. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài và cuộc sống chung không có H phúc, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Lê Dung, sinh ngày 10/03/1988 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 16/07/1991. Hiện nay hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H xin được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Nguyễn Anh T đến Tòa án lấy lời khai, giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh T có lần nhận trực tiếp văn bản của Tòa và có lần không nhận trực tiếp nên Tòa án phải niêm yết văn bản theo quy định của pháp luật. Nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh T và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Anh T.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có H phúc. Chị xin ly hôn anh Nguyễn Anh T để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung và về công nợ chung, chị vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Tòa án và không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Lê Dung, sinh năm 1988 và Nguyễn Đức Anh, sinh năm 1991. Cả hai đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Anh T. Hiện anh T đang trú tại địa chỉ: Số 37B phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thông báo của Toà án, anh Nguyễn Anh T không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không gửi cho Toà án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình.

Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng cũng đã ra Thông báo đến Toà án lấy lời khai, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T. Các Thông báo trên, Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Nhưng các lần trên chỉ có chị H có mặt đúng thời gian, địa điểm Toà án đã thông báo còn anh T đều vắng mặt không có lý do. Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-HPT ngày 23/06/2023 cho anh T theo quy định pháp luật. Nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Toà án không lấy được lời khai của anh T nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của anh T. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/02/1987 tại UBND phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng (nay là quận Hoàng Mai), thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống H đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau về cả vật chất lẫn tinh thần dẫn đến vợ chồng hàng ngày xảy ra xung đột cãi nhau liên tục, ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống vợ chồng, gia đình. Mâu thuẫn anh chị xảy ra trong nội bộ gia đình nên tổ dân phố không nắm bắt được vì anh chị muốn giữ kín trong nội bộ gia đình và chị cũng sợ ảnh hưởng đến bố mẹ, anh chị em chị phải suy

nghe đến mâu thuẫn của anh chị nên anh chị không báo cho tổ dân phố biết và bố mẹ, anh chị em ruột của chị biết. Đến khi chị sống ly thân với anh T và đi ra ngoài thuê nhà ở riêng thì bố mẹ chị và chị ruột và em ruột chị mới biết chuyện và có khuyên ngăn hòa giải hai vợ chồng chị nhưng không có kết quả. Chị đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai vào tháng 03 năm 2022 nhưng sau đó đến ngày 19 tháng 09 năm 2022 chị đã rút đơn về để vợ chồng suy nghĩ thêm và cũng vì lý do anh T không ở quận Hoàng Mai mà lúc đó đang ở số 37B phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 70/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 09 năm 2022.

Sau khi rút đơn về, mâu thuẫn anh chị cũng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Chị đã ra ngoài ở thuê nhiều nơi và hiện nay đang ở N001 LK3 khu dịch vụ LK27-28 Dương Nội, đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Quá trình xác minh tại tổ dân phố, mặc dù tổ dân phố không nắm được quá trình mâu thuẫn của vợ chồng anh chị nhưng cũng xác định vợ chồng sinh sống ăn ở thường xuyên từ năm 2004 nhưng hiện nay chị H không còn ở nhà trên mà chỉ có anh T ở cùng gia đình con trai. Thỉnh thoảng chị H mới về thăm con cháu. Cho thấy lời khai của chị H phù hợp với biên bản xác minh về thời gian chị H không ăn ở sinh sống tại địa chỉ số nhà 37B Bạch Mai, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội là do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị H sống ly thân và ở nơi khác. Qua hồ sơ cũng thể hiện anh chị đã một lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai vào tháng 03/2022 nhưng sau đó chị H có đơn xin rút yêu cầu về để hai vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả nên chị H lại tiếp tục gửi đơn lần 2 đến Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết.

Xét thấy: Chị H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không có cơ hội đoàn tụ. Căn cứ vào lời trình bày của chị H, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia

đình hòa thuận, H phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Lê Dung, sinh ngày 10/03/1988 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 16/07/1991. Hiện nay hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh T không có ý kiến về tài sản, nhà ở chung và công nợ chung của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở chung và những yêu cầu khác cho anh T khi anh T có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Anh T. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Anh T 02 con chung Nguyễn Thị Lê Dung, sinh ngày 10/03/1988 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 16/07/1991. Hiện nay hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về công nợ chung: Chị H xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản chung, nhà ở chung và những yêu cầu khác cho anh T khi có đơn yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu số 0013025 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND phường Tân Mai, Q Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 13 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vào hồi giờ ngày 13 tháng 07 năm 2023 tại phòng nghị án - Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – Hà Nội.

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh T- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thiệu

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 660/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H – sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Số 60 Hàng Nón, phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: N001 LK3 khu dịch vụ LK27-28 Dương Nội, Đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T – sinh năm 1957;

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 37B phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

*** Về thẩm quyền:** Biểu quyết 3/3

Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

*** Về điều luật áp dụng:** Biểu quyết 3/3

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

*** Về nội dung vụ án:** Biểu quyết 3/3

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Anh T. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Anh T 02 con chung Nguyễn Thị Lê Dung, sinh ngày 10/03/1998 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 16/07/1991. Hiện nay hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về công nợ chung: Chị H xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh T khi có đơn yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu số 0013025 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Biên bản kết thúc vào hồi.... giờ..... cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

